

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HS-ST

Ngày: 11-5-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Oanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2020/TLST - HS, ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị Huyền T (M) - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

Nghề nghiệp: Học nghề làm tóc; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Mạnh H và con bà: Nguyễn Thị Hạnh Q; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- Người bị hại: Cao Thị Mỹ D - sinh năm: 2000

Cư trú tại: Thôn AB, thị trấn EP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên - Sinh năm: 1982

Cư trú tại: Tổ dân phố a, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h00 ngày 01/01/2020, chị Cao Thị Mỹ D là bạn của Lê Thị Huyền T đến phòng trọ của T tại số B, đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi. Đến khoảng 17h30' cùng ngày D rủ T về phòng trọ của D tại địa chỉ đường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để lấy đồ. Trước khi đi chị D lấy điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, màu vàng để lên bàn T điểm trên gác lửng phòng trọ của T cầm rồi cắm sạc pin điện thoại di động. Sau đó T dắt xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số 48B1-366.11 ra trước phòng trọ. Còn D dùng ổ khóa khóa cửa phòng trọ, rồi T chờ D về phòng trọ của D. Do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của D. Khi về đến phòng trọ của D lợi dụng lúc D đang tắm, T nói với D đi lấy quần áo, rồi điều khiển xe mô tô Vision, màu trắng, biển số 48B1-366.11 quay lại phòng trọ của T trộm cắp chiếc điện thoại di động của chị D, T tắt nguồn, cất giấu dưới hộp cát tông trong khu vực bếp phòng trọ của T để tránh bị nghi ngờ, T giấu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng của T cùng vị trí trên, rồi giấu ổ khóa phòng trọ gần chậu cây cảnh trước phòng trọ (mục đích tạo hiện trường giả là bị kẻ gian đột nhập trộm cắp tài sản). Sau đó, T điều khiển xe mô tô Vision, màu trắng, biển số 48B1-366.11 đem theo túi quần áo quay lại phòng trọ của chị D. Lúc này D vừa tắm xong. T chờ D về lại phòng trọ của T. Khi về đến phòng trọ T giả vờ hỏi D ổ khóa đâu, thấy cửa phòng không còn ổ khóa, chị D lên gác kiểm tra phát hiện thấy mất điện thoại nên đã cùng T đến cơ quan công an trình báo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KLDG, ngày 20/01/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, màu vàng dung lượng 256Gb, số Imei 353106102455969, đã qua sử dụng, trị giá: 16.500.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung trên và không có ý kiến gì.

Tại bản cáo trạng số: 111/KSĐT-HS ngày 14/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Thị Huyền T (M) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Huyền T và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Huyền T theo bản cáo trạng số 111/KSĐT-HS ngày 14/4/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Huyền T từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585, Điều

589 Bộ luật dân sự . Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax cho chị Cao Thị Mỹ D là chủ sở hữu và đã trả 01 ổ khóa bằng kim loại cho bị cáo T. Chị D đã nhận lại tài sản trên và không yêu cầu bị cáo Lê Thị Huyền T phải bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Lê Thị Huyền T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMax, trị giá: 16.500.000 đồng của chị Cao Thị Mỹ D là phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Xét thấy, bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Với tuổi đời còn non trẻ, có đầy đủ sức lực để tự lao động nuôi sống bản thân nhưng chỉ vì tham lam tư lợi, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Cao Thị Mỹ D nên đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh nhằm cải tạo giáo dục riêng đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, người bị hại đã nhận lại tài sản và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng , phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội với nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đối với bị cáo không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo cũng đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra chị Cao Thị Mỹ D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Lê Thị Huyền T phải bồi thường gì nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trao trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMax cho chị Cao Thị Mỹ D và 01 ổ khóa bằng kim loại cho bị cáo Lê Thị T là các chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng. Chị D đã nhận lại tài sản trên và không có yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với chiếc xe moto nhãn hiệu honda, số loại Vison, màu trắng, biển số 48B1-366.11, bị cáo Lê Thị Huyền T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe moto là của bà Nguyễn Thị Hạnh Q (mẹ bị cáo T). Bà Q giao xe cho bị cáo T sử dụng đi học nghề. Việc bị cáo T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà Q không biết nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không tạm giữ xe và không đề cập xử lý đối với bà Q là phù hợp.

[5] Xét quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy lời khai của bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Huyền T (M) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Huyền T (M) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Huyền T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Thị Huyền T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú của người bị hại.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh, Công an TP.BMT;
- CCTHADSTP.B;
- THA phạt tù(để thi hành) ;
- Nhà tạm giữ Công an TP.BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My